

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2026 (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 16/12/2025)	Điều chỉnh	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3=1+2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	592.326	19.402	611.728
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	61.284		61.284
1	Thu NSDP hưởng 100%	31.900		31.900
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	29.384		29.384
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	531.042		531.042
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	165.382		165.382
2	Thu bổ sung có mục tiêu	122.370		122.370
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương	243.290		243.290
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
IV	Huy động kết dư		19.402	19.402
V	Thu chuyển nguồn (nguồn CCTL)	0		
VI	Huy động nguồn CCTL			
B	TỔNG CHI NSDP	592.326	19.402	611.728
I	Tổng chi cân đối NSDP	592.326	19.402	611.728
1	Chi đầu tư phát triển	6.600	12.000	18.600
2	Chi thường xuyên	570.480	7.402	577.882
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
5	Dự phòng ngân sách	15.246		15.246
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
7	Chi nộp ngân sách cấp trên			
II	Chi các chương trình mục tiêu			
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP			
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP			
I	Vay để bù đắp bội chi			
II	Vay để trả nợ gốc			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2026 (NQ số 26/NQ- HĐND ngày 16/12/2025)	Điều chỉnh	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3=1+2
	TỔNG CHI NSDP	592.326	19.402	611.728
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	592.326	19.402	611.728
I	Chi đầu tư phát triển	6.600	12.000	18.600
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.600	12.000	18.600
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	570.480	7.402	577.882
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	356.242	7.402	363.644
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	15.246		15.246
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
NĂM 2026**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2026 (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 16/12/2025)	Điều chỉnh	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3=1+2
A	NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG	592.326	19.402	623.728
I	Nguồn thu ngân sách	592.326	19.402	623.728
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	61.284		61.284
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	531.042		531.042
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	165.382		165.382
-	Thu bổ sung có mục tiêu	122.370		122.370
-	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương	243.290		243.290
3	Các khoản huy động đóng góp			
4	Huy động kết dư		19.402	31.402
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nguồn CCTL)	0		
6	Huy động nguồn CCTL	0		
II	Chi ngân sách	592.326	19.402	611.728
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường	592.326	19.402	611.728
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp phường			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang sau			
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2026 (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 16/12/2025)	Điều chỉnh	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3=1+2
	TỔNG CHI NSDP	592.326	19.402	611.728
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	592.326	19.402	611.728
I	Chi đầu tư phát triển	6.600	12.000	18.600
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.600	12.000	18.600
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	570.480	7.402	577.882
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>356.242</i>	<i>7.402</i>	<i>363.644</i>
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>0</i>		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	15.246		15.246
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán đã giao năm 2026 (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 16/12/2025)	Điều chỉnh	Dự toán năm 2026
A	B	1	2	3=1+2
	TỔNG CHI NSĐP	592.326	19.402	611.728
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0		0
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC	592.326	19.402	611.728
I	Chi đầu tư phát triển	6.600	12.000	18.600
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.600	12.000	18.600
	- Chi hoạt động kinh tế	5.000	12.000	17.000
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.200		1.200
	- Chi văn hóa thông tin			
	- Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	400		400
	- Chi quốc phòng			
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		0
II	Chi thường xuyên	570.480	7.402	577.882
1	Các hoạt động kinh tế	1.000		1.000
	- Nông nghiệp, Thủy lợi, công nghiệp khác			
	- Giao thông			
	<i>T/dó: hđ ATGT</i>			
	- Kiến thiết thị chính			
	- Sự nghiệp kinh tế khác	1.000		1.000
2	Bảo vệ môi trường	100		100
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	356.242	7.402	363.644
	- Giáo dục	355.692		355.692
	- Đào tạo và dạy nghề	550		550
4	Chi y tế, dân số và gia đình	43.123		43.123
5	Chi văn hoá-thông tin	500		500
6	Chi thể dục-thể thao	300		300
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	300		300
8	Chi khoa học và công nghệ	0		0
9	Chi bảo đảm xã hội	43.705		43.705
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	81.158		81.158
	- Chi quản lý nhà nước	58.519		58.519
	- Chi hoạt động của cơ quan Đảng	14.458		14.458
	- Chi h/động của các tổ chức chính trị xã hội, hỗ trợ hội	8.181		8.181
11	Chi an ninh quốc phòng địa phương	40.278		40.278
	- An ninh	19.541		19.541
	- Quốc phòng	20.737		20.737
12	Chi khác ngân sách	3.774		3.774
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	15.246		15.246
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

DVT: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán đã giao năm 2026 (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 16/12/2025)										
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	592.326	6.600	570.480	0	0	15.246	0	0	0	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	577.080	6.600	570.480	0	0	15.246	0	0	0	0	0
01	UBND	67.786		67.786								
02	VP Đảng ủy	14.958		14.958								
03	Ủy ban MTTQ VN phường	8.581		8.581								
04	VP HĐND-UBND	56.388		56.388								
05	Trung tâm phục vụ hành chính công	5.549		5.549								
06	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	16.065	6.600	9.465								
07	Phòng Văn hóa-Xã hội	111.992		111.992								

[illegible]

VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0										
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0										

Biểu mẫu số 35.1
Nghị định 31/2017/NĐ-CP

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Điều chỉnh đợt này										
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình mục tiêu)	Chi thường xuyên (không kể chương trình mục tiêu)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách sang
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ							0	0	0	0	0

[illegible]

IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH											
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG											
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI											
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU											

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

[illegible]

[illegible]

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Dự toán đã giao năm 2026 (NQ số 26/NQ-HĐND ngày 16/12/2025)																	
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	6.600	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	5.000	200	0	400	0	0
I	VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	6.600	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	5.000	200	0	400	0	0
1	UBND phường Bình Dương	6.600	1.200									5.000	200		400		

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Điều chỉnh đợt này																	
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	12.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12.000	12.000	0	0	0	0
I	VỐN NGÂN SÁCH PHƯỜNG	12.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12.000	12.000	0	0	0	0
1	UBND phường Bình Dương	12.000	0									12.000	12.000		0		

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Dự toán năm 2026																	
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	18.600	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	17.000	12.200	0	400	0	0
I	VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	6.600	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	5.000	200	0	400	0	0
1	UBND phường Bình Dương	6.600	1.200									5.000	200		400		
II	VỐN NGÂN SÁCH PHƯỜNG	12.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12.000	12.000	0	0	0	0
1	UBND phường Bình Dương	12.000	0									12.000	12.000		0		

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

[illegible]

**DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

[illegible]

06	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị																			
07	Phòng Văn hóa-Xã hội																			
08	Ban chỉ huy Quân sự																			
09	Trường Mầm Non Hoa Mai			0	0															
10	Trường Mầm Non Hòa Phú			0	0															
11	Trường Mầm Non Phú Chánh			248	248															
12	Trường Mầm Non Phú Tân			295	295															
13	Trường Tiểu học Phú Mỹ			1.139	1.139															
14	Trường Tiểu học Hòa Phú			390	390															
15	Trường Tiểu học Phú Chánh			358	358															
16	Trường Tiểu học Phú Tân			140	140															
17	Trường THCS Phú Mỹ			2.550	2.550															
18	Trường THCS Hòa Phú			1.566	1.566															
19	Trường THCS Phú Chánh			716	716															
20	Trạm Y Tế																			
21	Trung tâm cung ứng dịch vụ công																			
22	Ban quản lý đầu tư xây dựng																			

Biểu mẫu số 37.2
Nghị định 31/2017/NĐ-CP

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 20/7/2026 của UBND phường Bình Dương)

DVT: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Dự toán năm 2026																			
		Dự toán thu		Tổng số	Chi từ ngân sách theo lĩnh vực																
		Tổng thu	Số thu được để lại		Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi VHTT	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi TDTT	Chi BVMT	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó				Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi đảm bảo XH	Chi thường xuyên khác
															Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp	Kiến thiết thị chính	Sự nghiệp kinh tế khác			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Chi cân đối NSDP			577.882	363.644	0	20.737	19.541	43.123	500	300	300	100	1.000	0	0	0	1.000	81.158	43.705	3.774
01	UBND			67.786	67.786																
02	VP Đảng ủy			14.958															14.458		500
03	Ủy ban MTTQ VN phường			8.581															8.181		400
04	VP HĐND-UBND			56.388				19.541											35.773		1.074
05	Trung tâm phục vụ hành chính công			5.549															5.249		300
06	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị			9.465					202				100	1.000					1.000		500

[illegible]